

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN CANH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày: 14-02-2020

V/v “Đòi lại tài sản quyền sử dụng
đất và hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Nhật

2. Ông Nguyễn Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2015/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2015 về việc “Đòi lại tài sản quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận QSD đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐ ngày 21/01/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sô Y Thị T, sinh năm 1940

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Sô Y L, sinh năm 1982, có mặt

Đồng địa chỉ: Làng C, xã C1, huyện V, tỉnh B

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn Đ (tên khác: Đinh Đ), sinh năm 1948

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Văn Ng, sinh năm 1991, vắng mặt

Đồng địa chỉ: Làng H, xã C2, huyện V, tỉnh B

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Sô Y L, sinh năm 1982, có mặt

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1980

Đồng địa chỉ: Làng C, xã C1, huyện V, tỉnh B

(Chị Trần Thị H ủy quyền cho anh Sô Y L tham gia tố tụng tại Tòa theo giấy ủy quyền ngày 11/7/2019)

+ Bà Đinh Thị O, sinh năm 1949, vắng mặt

+ Anh Đinh Văn Ng, sinh năm 1991, vắng mặt

+ Chị Sô Y Thị Nh, sinh năm 1994, vắng mặt

Đồng địa chỉ: Làng H, xã C2, huyện V, tỉnh B

(Bà Đinh Thị O, chị Sô Y Thị Nh ủy quyền cho anh Đinh Văn Ng tham gia tố tụng tại Tòa theo giấy ủy quyền ngày 29/7/2019)

+ Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1954, vắng mặt

+ Bà Mai Thị Ph, sinh năm 1958, vắng mặt

Đồng địa chỉ: Khu phố T1, thị trấn V, huyện V, tỉnh B

+ Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Bá Đ - Phó Chủ tịch UBND huyện V, vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố T 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 05/11/2014, bản tự khai ngày 19/7/2019, tại biên bản hòa giải ngày 25/10/2019 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Anh Sô Y L trình bày:***

Ngày 09/12/2009, bà Sô Y Thị T được UBND huyện V giao quyền sử dụng đối với diện tích 91.761,5m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ 26, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AO 147990. Trước khi bà T được cấp giấy chứng nhận QSD đất, bà T và vợ chồng anh L đã khai hoang diện tích đất đó và tiến hành trồng cây keo trên đất, sau đó bà T mới làm đơn xin giao đất và được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận QSD đất. Trong quá trình phát dọn đất để trồng keo, không có ai đến tranh chấp đất với hộ bà T. Đến tháng 7/2014, sau khi thu hoạch cây keo, bà T và vợ chồng anh L tiến hành phát dọn đất để trồng lại vụ keo mới thì ông Đinh Văn Đ (Đinh Đ) ở làng H đã tự ý đem cây giống vào trồng trên diện tích 15.868 m² đất của gia đình bà T. Bà T đã làm đơn báo cáo xã C1 đề nghị giải quyết. UBND xã C1 đã nhiều lần phối hợp với UBND xã C2 mời ông Đ đến giải quyết nhưng không thành vì ông Đ cho rằng diện tích đất ông Đ đang trồng cây keo là đất cà thân do ông khai hoang trước đây nên ông có quyền sử dụng. Hiện tại cây keo trồng trên đất khoảng 05 năm tuổi và gia đình ông Đ đã bán cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H và bà Mai Thị Ph. Anh L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ, anh Ng phải trả lại cho bà T 15.868 m² đất mà ông Đ, anh Ng đã lấn chiếm và yêu cầu vợ chồng ông H, bà Ph khai thác cây keo trồng trên đất để trả lại đất cho bà T.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2019, biên bản hòa giải ngày 25/10/2019, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Anh Đinh Văn Ng trình bày:***

Nguồn gốc đất mà hiện nay bà T và cha anh đang tranh chấp là đất do cha mẹ anh là ông Đinh Văn Đ (Đinh Đ) và bà Đinh Thị O khai hoang, sau đó cho vợ chồng anh sử dụng. Sau khi được cha mẹ cho đất vào năm 2002, anh trồng cây mì trên đất, đến năm 2004 thì bỏ hoang nên trên đất cây tự nhiên đã mọc lại thành rừng cà thân. Năm 2009, anh L và bà T tự ý vào đất của anh phát dọn và trồng keo, khi anh phát hiện thì cây keo bà T, anh L trồng đã được khoảng 01 năm tuổi. Anh nghĩ anh L và bà T đã lỡ trồng rồi nên để cho anh L, bà T khai thác xong mùa keo này thì anh sẽ lấy lại đất để trồng keo. Gia đình anh có gặp anh L, anh L nói để anh L khác thác xong một mùa keo sẽ trả đất cho gia đình anh, nên khi anh L, bà T khai thác keo xong, anh lấy lại đất để trồng keo, hiện tại cây keo đã 05 năm tuổi. Số cây keo này anh đã bán cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H và bà Mai Thị Ph ở khu phố T 1, thị trấn V với số tiền là 30.000.000đ.

Nay bà T yêu cầu ông Đ và anh phải trả lại cho bà T 15.868 m² đất mà vợ chồng anh đã trồng cây keo, anh không đồng ý vì đất này do cha mẹ anh khai hoang nên anh có quyền sử dụng. Anh yêu cầu Tòa hủy một phần Giấy chứng nhận QSD đất với diện tích 15.868 m² mà UBND huyện V đã cấp cho bà Tôm và cấp phần đất đó cho gia đình anh.

**** Tại bản tự khai ngày 09/10/2019, biên bản hòa giải ngày 25/10/2019 và trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Ngọc H và bà Mai Thị Ph trình bày:***

Ngày 07/3/2017, vợ chồng ông H, bà Ph có lập hợp đồng mua bán đám keo của ông Đinh Đ, người đứng tên trong hợp đồng là anh Đinh Văn Ng ở làng H với số tiền là 30.000.000đ, thời gian thu hoạch trả đất trong năm 2021. Khi mua keo vợ chồng ông H, bà Ph không biết đất trồng keo đang bị tranh chấp, đến khi Tòa án thông báo thì vợ chồng ông, bà mới biết. Ông H, bà Ph trình bày trường hợp Tòa giải quyết diện tích đất trên thuộc quyền sở hữu của ai thì ông bà sẽ khai thác keo để trả lại đất cho người đó.

**** Tại văn bản cung cấp thông tin vụ án và trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện V trình bày:***

Bà Sô Y Thị T được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 26 (cấp theo dự án WB3), ngày 09/12/2009, có số phát hành AO 147990, diện tích 91.761,5m², loại đất rừng sản xuất. Việc UBND huyện V cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Sô Y Thị T thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình. Việc ông Nguyễn Trọng H – Phó Chủ tịch UBND Huyện ký giấy chứng nhận QSD đất cho bà Sô Y Thị T là đúng thẩm quyền theo quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 28/11/2006 của UBND về việc phân công thành viên UBND nhiệm kỳ 2004-2009. Đề nghị Tòa án căn cứ các chứng cứ mà UBND huyện Vân Canh và cơ quan chuyên môn của UBND huyện đã cung cấp giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh:***

Về thủ tục tố tụng: Từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được Tòa án thụ lý trước ngày 01/7/2016 nhưng ngày 15/10/2019 bị đơn mới có đơn phản tố yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận QSD đất và Tòa án mới ra thông báo thụ lý yêu cầu phản tố nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Về nội dung: Diện tích đất tranh chấp giữa bà Sô Y Thị T và ông Đinh Văn Đ có nguồn gốc trước đây là đất do UBND xã C1 quản lý, không có ai sử dụng. Lời khai của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người có uy tín trong làng H đều thừa nhận ông Đ, anh Ng có canh tác nhưng không ôn định, liên tục và họ đều cho rằng mảnh đất khai hoang, canh tác tọa lạc tại làng H, xã C2. Căn cứ Giấy chứng nhận QSD đất số AO 147990, ngày 09/12/2009 cấp cho bà Tôm, bản đồ địa chính và công trình xây dựng ngày 08/11/2019 của Hội đồng định giá thì thửa đất số 02, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại làng C, xã C1. Đất tranh chấp đã được UBND huyện V cấp cho bà Sô Y Thị T. Việc UBND huyện V cấp đất cho bà Tôm là đúng thẩm quyền và không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, anh Ng. Ông Đ, anh Ng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh mảnh đất đã được UBND huyện V cấp cho bà T là của ông Đ. Khi phát hiện anh L, bà T canh tác trồng keo trên đất nhưng ông Đ, anh Ng cũng không làm đơn khiếu nại, khởi kiện yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Việc ông Đ, anh Ng tự ý đem cây keo trồng trên đất đã được UBND huyện V cấp cho bà T khi chưa được sự đồng ý của bà T đã xâm phạm quyền về tài sản của người khác nên bà T làm đơn khởi kiện đòi lại tài sản của mình là có căn cứ. Căn cứ quy định tại Điều 163, 166, 186 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về cây keo trồng trên đất: Số cây keo trồng trên đất ông Đ, anh Ng đã bán cho vợ chồng ông H, bà Ph vào năm 2017. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải vợ chồng ông H, bà Ph trình bày trường hợp Tòa giải quyết diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của người nào thì vợ chồng ông H, bà Ph sẽ khai thác cây keo trả lại đất cho người đó. Đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Đòi lại tài sản quyền sử dụng đất và hủy

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 mục IV Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đối với các vụ án Tòa án cấp huyện đã thụ lý trước ngày 01/7/2016, nhưng kể từ ngày 01/7/2016 mới phát sinh yêu cầu hủy quyết định cá biệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã thụ lý vụ án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không chuyển cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Vân Canh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 34, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Đinh Văn Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Xét yêu cầu của bà Sô Y Thị T về việc buộc ông Đinh Văn Đ trả lại cho bà T13.745 m² đất mà ông Đ đã lấn chiếm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1] Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất của bà Sô Y Thị T, biên bản xác minh, biên bản kiểm tra xác định trạng thái thực bì tại vùng đề nghị quy hoạch dự án phát triển ngành lâm nghiệp (WB3) năm 2009 tại xã C1 và chứng cứ do UBND xã C1; UBND huyện V cung cấp thể hiện phần diện tích đất tranh chấp giữa bà Sô Y Thị T và ông Đ có nguồn gốc trước khi UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T thì phần diện tích đất đó do Ủy ban nhân dân xã C1 quản lý và không có ai sử dụng, là đất rừng có trạng thái thực bì Ib, thực vật phân bố chủ yếu là cỏ tranh, lau, lách, cây bụi. Năm 2009, thực hiện chủ trương giao đất cho dân trồng rừng theo dự án WB3 tại địa bàn xã C1, bà Sô Y Thị T tiến hành khai hoang 91.761,5m² đất rồi làm đơn xin giao đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất. Ngày 28/11/2009, Trung tâm quy hoạch nông nghiệp và nông thôn thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Định lập hồ sơ thiết kế - dự toán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng dự án WB3 năm 2009 của bà Sô Y Thị T, đến ngày 09/12/2009, bà Sô Y Thị T được UBND huyện V giao quyền sử dụng đối với diện tích 91.761,5m² đất rừng sản xuất thuộc thửa số 2, tờ bản đồ số 26, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 147990. Trong quá trình gia đình bà T phát dọn đất để trồng keo, vợ chồng ông Đ và vợ chồng anh Ng, chị Nh không có đơn khiếu nại, tranh chấp đất với gia đình bà T. Đến năm 2014, gia đình bà T khai thác cây keo trên đất, tiến hành đốt dọn thực bì mua cây giống chuẩn bị trồng lại cây keo con trên đất thì anh Ng, chị Nh vào lấn chiếm đất đã được cấp cho bà T để trồng cây keo với diện tích là 15.868 m².

[3.2] Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ông Đ, anh Ng, chị Nh đều cho rằng phần diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là đất do vợ chồng ông Đ, bà O khai hoang nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Năm 2002, vợ chồng anh Ng, chị Nh được vợ chồng ông Đ cho phần diện tích đất đó để sử dụng trồng lúa, mì. Anh Ng, chị Nh thừa nhận sau khi được bố mẹ cho đất, vợ chồng anh Ng, chị Nh không sử dụng đất ổn định liên tục mà chỉ sử dụng được một thời gian rồi bỏ hoang từ năm 2003 và trên đất cây tự nhiên đã mọc lại thành rừng. Lời khai của anh Ng, chị Nh phù hợp với lời khai của anh Đinh Văn D, ông Đoàn Văn Đ và ông Đinh Văn Ch là người có uy tín trong

làng H về quá trình sử dụng đất. Anh Ng, chị Nh cho rằng, khi phát hiện anh L trồng cây keo trên đất, anh Ng, chị Nh đến gặp anh L hỏi lý do vì sao trồng cây trên đất của anh Ng, chị Nh thì anh L có hứa với anh Ng, chị Nh là để cho anh L trồng 01 vụ keo, khi nào khai thác xong thì anh L trả lại đất nhưng anh L không thừa nhận việc anh L có hứa trả lại đất cho anh Ng, chị Nh như nội dung anh Ng, chị Nh trình bày. Anh Ng, chị Nh cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nội dung thỏa thuận trên. Ngoài lời khai về nguồn gốc đất là do vợ chồng ông Đ khai hoang mà có thì ông Đ, anh Ng, chị Nh không cung cấp được chứng cứ khác để chứng minh về nguồn gốc đất, không cung cấp được các loại giấy tờ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

[3.3] Căn cứ Biên bản định giá tài sản, bản đồ địa chính và công trình xây dựng trích đo diện tích đất tranh chấp thể hiện diện tích đất tranh chấp 15.868 m² giữa bà T và ông Đ, anh Ng, chị Nh nằm trong phần diện tích 91.761,5m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ 26, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 147990, ngày 09/12/2009 cấp cho bà Sô Y Thị T. Việc Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Sô Y Thị T là đúng thẩm quyền, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông Đ và vợ chồng anh Ng. Như vậy, việc bà T khởi kiện yêu cầu ông Đ, anh Ng phải trả lại cho bà Tôm 15.868 m² đất mà ông Đ, anh Ng, chị Nh đã lấn chiếm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 163, 166, 186 Bộ luật Dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 50 của Luật đất đai năm 2003 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cây keo trồng trên đất: Quá trình giải quyết vụ án, anh Ng và vợ chồng ông H, bà Ph khai nhận, anh Ng đã bán cây keo trồng trên đất cho vợ chồng ông H, bà Ph. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ông H, bà Ph trình bày trường hợp Tòa giải quyết diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của ai thì ông H, bà Ph sẽ khai thác cây keo trả lại đất cho người đó. Đây là ý chí tự nguyện của ông H, bà Ph nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 147990, ngày 09/12/2009 cấp cho bà Sô Y Thị T, nhận thấy: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn phản tố, yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 147990, ngày 09/12/2009 cấp cho bà Sô Y Thị T. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lý do thì bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn. Bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố đó theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Ông Đ được miễn tiền án phí sơ thẩm vì gia đình thuộc diện hộ nghèo.

[7] Về chi phí tố tụng khác: Tổng số tiền định giá tài sản là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Sô Y L tự nguyện chịu số tiền trên và đã nộp chi phí định giá xong nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Sô Y L.

[8] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 165, 166, 200 và điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 163, 166 và 186 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 10, Điều 50 và Điều 52 của Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 12, 14 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sô Y Thị T. Buộc ông Đinh Văn Đ (Đinh Đ), anh Đinh Văn Ng, chị Sô Y Thị Nh phải trả lại cho bà Sô Y Thị T 15.868 m² đất mà ông Đ, anh Ng, chị Nh đã lấn chiếm thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 147990, ngày 09/12/2009 cấp cho bà Sô Y Thị T (Có bản đồ địa chính và công trình xây dựng kèm theo).

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 147990, ngày 09/12/2009 mà UBND huyện V cấp cho bà Sô Y Thị T. Bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố đó theo quy định của pháp luật.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H và bà Mai Thị Ph về việc tự nguyện khai thác cây keo trồng trên diện tích 15.868 m² đất tranh chấp để trả lại đất cho bà Sô Y Thị T.

4. Về án phí: Ông Đinh Văn Đ được miễn tiền án phí sơ thẩm vì gia đình thuộc diện hộ nghèo.

5. Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Sô Y L về việc chịu chi phí định giá tài sản với số tiền là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Anh L đã nộp chi phí định giá xong.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vân Canh;
- Chi cục THADS huyện Vân Canh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Duy